

Số: 19 /2016/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 15 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 3 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 142/TTr-STNMT ngày 29 tháng 02 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

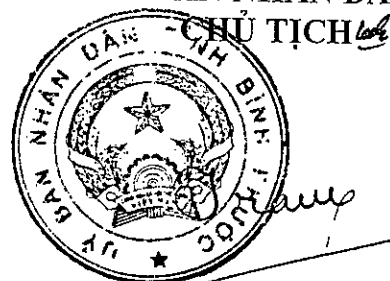
Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên & Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- LĐVP;
- Lưu: VT, P.NC-NgV. DN24

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

**Cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai,
quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2016/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, cưỡng chế thi hành quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai của người có thẩm quyền mà các bên không tự nguyện chấp hành (không áp dụng đối với các trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai do cơ quan Tòa án thực hiện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cá nhân, tổ chức Việt Nam; các cá nhân, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật nhưng không tự nguyện chấp hành.

2. Người có thẩm quyền, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành cưỡng chế và tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thi hành cưỡng chế.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện cưỡng chế

1. Quá trình cưỡng chế phải tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, bảo đảm trật tự, an toàn, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

2. Trước khi tổ chức cưỡng chế phải thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục tổ chức, cá nhân liên quan tự nguyện, tự giác chấp hành quyết định. Đồng thời, cần thực hiện một số chính sách an sinh xã hội (nếu có) để người dân ổn định cuộc sống, nhất là hộ nghèo, gia đình chính sách... nhằm chấm dứt việc tranh chấp.

3. Tôn trọng sự thỏa thuận của các bên liên quan, nếu thỏa thuận đó không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận thi hành quyết định có thể thực hiện ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình thi hành quyết định. Sau khi tổ chức triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định giải quyết công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật, nếu các bên không tự thỏa thuận được hoặc bên phải thi hành quyết định không đồng ý giao trả diện tích đất tranh chấp, thì thực hiện việc cưỡng chế thi hành.

4. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính. Không tổ chức cưỡng chế trong các thời điểm sau:

a) Trong khoảng thời gian hai mươi (20) ngày trước và sau Tết Nguyên đán;

b) Các ngày nghỉ, ngày lễ khác theo quy định của Nhà nước và trong thời gian diễn ra những sự kiện chính trị quan trọng của đất nước.

5. Việc tạm ngừng thực hiện quyết định cưỡng chế được thực hiện khi có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền.

6. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền.

7. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế của địa phương.

Điều 4. Điều kiện thực hiện cưỡng chế

Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật.

2. Người phải chấp hành đã nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành hoặc quyết định đó đã được niêm yết, thông báo công khai theo quy định.

3. Người phải chấp hành quyết định không tự nguyện chấp hành sau khi đã được Ban cưỡng chế, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục.

4. Có quyết định cưỡng chế và quyết định cưỡng chế đó đã được giao cho đối tượng bị cưỡng chế và được niêm yết, thông báo công khai.

Điều 5. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành hoặc có thể giao quyền cho cấp phó, việc giao quyền chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt và phải thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào để ban hành quyết định cưỡng chế để thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã được ban hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế để thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Nộp đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật

1. Người được thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành nộp đơn yêu cầu cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất tranh chấp.

2. Bộ phận tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện vào sổ nhận đơn, viết phiếu nhận đơn. Đồng thời, chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo quy định.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Thời hạn tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành là không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hợp lệ.

Điều 7. Ban hành quyết định thành lập Ban cưỡng chế, quyết định cưỡng chế

1. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã gặp gỡ, làm việc với các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có) để thu thập thông tin, động viên, tuyên truyền, thuyết phục, yêu cầu các bên chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan được giao nhiệm vụ phải báo cáo kết quả đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế; báo cáo gồm có các nội dung cơ bản: việc triển khai thực hiện; quá trình giải thích, tuyên truyền, thuyết phục; yêu cầu của các bên tranh chấp; nhận xét và kiến nghị ban hành quyết định thành lập Ban cưỡng chế, quyết định cưỡng chế nếu đối tượng không tự nguyện chấp hành.

2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành quyết định thành lập Ban cưỡng chế, quyết định cưỡng chế.

Điều 8. Quyết định thành lập Ban cưỡng chế, quyết định cưỡng chế

1. Quyết định thành lập Ban cưỡng chế gồm:

Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là Trưởng ban chủ trì thực hiện cưỡng chế; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Chánh Thanh tra cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế là Phó Trưởng ban; đại diện các cơ quan của huyện gồm: Tài chính, Tư pháp, Xây dựng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế và một số thành viên khác do người ra quyết định thành lập Ban cưỡng chế quyết định là thành viên.

2. Quyết định cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản sau:

a) Đối tượng cưỡng chế; Biện pháp thực hiện cưỡng chế; thời gian thực hiện cưỡng chế;

b) Cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; Cơ quan có trách nhiệm tham gia, phối hợp.

Điều 9. Giao quyết định cưỡng chế

1. Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phải giao quyết định cưỡng chế cho cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; Ban cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế, Ban cưỡng chế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định cưỡng chế cho đối tượng bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân liên quan (việc giao quyết định phải được lập biên bản), đồng thời niêm yết quyết định cưỡng chế tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế cư trú ngoài tỉnh thì quyết định cưỡng chế được gửi cho đối tượng bị cưỡng chế qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm.

a) Đối với trường hợp quyết định cưỡng chế được triển khai giao trực tiếp mà đối tượng bị cưỡng chế cố tình không nhận thì người có thẩm quyền phải lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương thì được coi là quyết định đã được giao;

Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế vắng mặt thì quyết định cưỡng chế được giao cho một trong những người trong gia đình của đối tượng bị cưỡng chế có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú tại thôn, ấp, xóm, khu phố, bao gồm: cha, mẹ, vợ chồng, con của đối tượng bị cưỡng chế; việc giao quyết định cưỡng chế phải lập biên bản, phải có ký tên hoặc điểm chỉ của người nhận, xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã thì được coi như quyết định đã được giao. Nếu người thân của đối tượng bị cưỡng chế cố tình không nhận quyết định cưỡng chế thì Ban cưỡng chế phải lập biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã thì được coi như quyết định đã được giao.

b) Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do đối tượng bị cưỡng chế cố tình không nhận; quyết định cưỡng chế sẽ được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi như quyết định đã được giao.

3. Quyết định cưỡng chế được niêm yết công khai cho đến khi kết thúc việc cưỡng chế.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch cưỡng chế

1. Ban cưỡng chế có trách nhiệm thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế, chủ trì xây dựng kế hoạch cưỡng chế và dự toán kinh phí trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thành lập Ban cưỡng chế (xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường vào kế hoạch cưỡng chế đối với trường hợp cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch cưỡng chế). Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Ban cưỡng chế trình kế hoạch cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản về: đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm cưỡng chế, phương pháp cưỡng chế; lực lượng tham gia, hỗ trợ; tổ chức và kinh phí thực hiện; dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó; phương án bố trí kho bãi để vật dụng, nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế (nếu có); trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Ban cưỡng chế phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền thanh, đài truyền hình (nếu cần thiết) để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 11. Vận động, thuyết phục và thông báo cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Ban cưỡng chế phối hợp với chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục đối tượng bị cưỡng chế; người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu cần thiết); tùy một số trường hợp cụ thể, Ban cưỡng chế mời đại diện tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia.

2. Nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì Ban cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện và phải được thành phần tham dự, đối tượng bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ; nội dung tự nguyện phải được thực hiện trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

3. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành, Ban cưỡng chế lập biên bản động viên không thành và thông báo thời gian cưỡng chế bằng văn bản; thời hạn cưỡng chế sau 03 ngày, kể từ ngày thông báo. Thông báo cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản: đối tượng bị cưỡng chế, thời gian, địa điểm cưỡng chế, chi phí cưỡng chế mà đối tượng phải chịu; yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất (gồm trên mặt đất và dưới mặt đất) phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế.

Điều 12. Thực hiện cưỡng chế

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban cưỡng chế phối hợp với các cơ quan tiến hành cưỡng chế ngoài thực địa.

a) Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và 02 người do Mặt trận Tổ quốc thôn, ấp, xóm, khu phố giới thiệu chứng kiến.

b) Trước khi cưỡng chế, nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban cưỡng chế lập thủ tục theo khoản 2 Điều 11 Quy định này.

c) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản và giao cho đối tượng bị cưỡng chế một bản; biên bản ghi rõ: thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; đối tượng bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; địa điểm cưỡng chế, hiện trạng đất (các tài sản trên đất) khi cưỡng chế, kết quả thực hiện cưỡng chế và phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản.

2. Ban cưỡng chế buộc đối tượng bị cưỡng chế, người có liên quan phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện thực hiện, Ban cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa đối tượng bị cưỡng chế cùng tài sản (động sản) và tháo dỡ nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng ra khỏi nơi cưỡng chế.

3. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có liên quan từ chối nhận tài sản thì Ban cưỡng chế bàn giao tài sản theo biên bản đã lập khi cưỡng chế cho Ủy ban nhân dân cấp xã trông giữ, bảo quản theo quy định của pháp luật, trừ các loại tài sản theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này. Khi bàn giao tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban cưỡng chế phải lập biên bản bàn giao.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thực hiện cưỡng chế xong, Ban cưỡng chế phải gửi thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế, niêm yết thông báo tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế về thời gian, địa điểm để giao lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp; việc niêm yết phải được lập thành biên bản. Quá 6 tháng, kể từ ngày nhận được

thông báo đến nhận tài sản mà người có tài sản không đến nhận (trừ trường hợp có lý do chính đáng) thì tài sản đó sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

a) Đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng (hàng tươi sống, thủy sản, thực phẩm, hoa màu, vật phẩm khác...) thì Ban cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận ngay sau khi tiến hành cưỡng chế, nếu từ chối nhận tài sản thì chủ tài sản chịu trách nhiệm về mất mát, hư hao, chênh lệch giá về tài sản. Ban cưỡng chế lập biên bản và tổ chức bán đấu giá theo quy định, số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Đối với tài sản mà đối tượng bị cưỡng chế không được phép quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật thì Ban cưỡng chế phải lập biên bản và bàn giao cho cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thực hiện xong cưỡng chế ngoài thực địa, Ban cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban cưỡng chế, đối tượng nhận bàn giao đất và xác nhận của chính quyền địa phương.

5. Căn cứ biên bản giao đất ngoài thực địa của cơ quan chức năng có thẩm quyền và Ban cưỡng chế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ cưỡng chế

1. Hồ sơ cưỡng chế lưu trữ gồm có:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật;

b) Quyết định cưỡng chế;

c) Quyết định thành lập Ban cưỡng chế và kế hoạch cưỡng chế;

d) Biên bản động viên, tuyên truyền, thuyết phục; biên bản cưỡng chế; biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý và các biên bản khác;

đ) Biên bản niêm yết Quyết định cưỡng chế tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Biên bản giao quyết định cưỡng chế

e) Thông báo nhận tài sản;

g) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản khác.

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu tại cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế.

Điều 14. Khiếu nại và xử lý trường hợp tái chiếm

1. Đối tượng bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện việc thực hiện cưỡng chế theo quy định.

2. Nếu đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan tái chiếm thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền

và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để được xử lý theo quy định.

Điều 15. Chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

2. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phối hợp chặt chẽ với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai.

2. Thanh tra tỉnh

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan hướng dẫn việc thực hiện giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai tại cơ sở.

3. Công an tỉnh

Chỉ đạo, tổ chức lực lượng nắm chắc diễn biến, tình hình liên quan các tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế; chỉ đạo Công an các huyện, thị xã đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thực hiện cưỡng chế.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Phước, Báo Bình Phước

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, vận động người phải chấp hành tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai.

5. Các sở, ngành có liên quan

Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực của ngành khi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực; tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, cưỡng chế thi hành quyết định công nhận hòa giải thành khi người phải chấp hành không chấp hành.

2. Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục người phải chấp hành quyết định tự nguyện chấp hành, chấm dứt tranh chấp đất đai.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giao hoặc niêm yết công khai quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành.

3. Huy động lực lượng địa phương tham gia thực hiện cưỡng chế; tham gia niêm phong, di chuyển tài sản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế (nếu có) theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 19. Trách nhiệm của người bị cưỡng chế

1. Tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế phải chấp hành quyết định cưỡng chế. Người nào trực tiếp hoặc xúi giục, kích động người khác có hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc chống người thi hành công vụ nhằm cản trở các hoạt động cưỡng chế thì tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi trả các chi phí liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phổ biến và thực hiện nội dung Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trầm